TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01/8/2024
"Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Văn Quảng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Quang Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai và Hội trường Ủy ban nhân dân xã Ia Tôr xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án dân sự thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/3/2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1980
Địa chỉ: Làng O, xã T, huyện P, tỉnh Gia Lai
Bị đơn: Ông Phạm Duy T, sinh năm 1976
Địa chỉ: Làng O, xã T, huyện P, tỉnh Gia Lai.
Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông Phạm Duy T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định vào năm 2000. Bước đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bà H và ông

T đã sống ly thân được khoảng 02 năm nay. Cảm thấy cuộc hôn nhân đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn cho bà H với ông T, bà H không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Bà Lê Thị H và ông Phạm Duy T có 02 con chung là Phạm Duy M, sinh ngày 29/01/2001 và Phạm Duy V, sinh ngày 06/01/2007. Con chung Phạm Duy M hiện đã thành niên, sống tự lập được nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện con chung là Phạm Duy V đang sống cùng bà H, ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục và chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Phạm Duy V, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Toà án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn ông Phạm Duy T đến làm việc, nhưng ông T không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Ông T cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn là bà Lê Thị H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phạm Duy T, yêu cầu nuôi con chung là Phạm Duy V, sinh ngày 06/01/2007, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là ông Phạm Duy T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt.:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H đối với ông Phạm Duy T.

+ Về con chung: Giao con chung là Phạm Duy V, sinh ngày 06/01/2007 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

01 Bản sao y căn cước công dân;01 Giấy xác nhận thông tin nơi cư trú; 01 Bản gốc giấy chứng nhận kết hôn; 02 Bản sao giấy khai sinh; 01 Đơn đề nghị từ chối hòa giải đối thoại tại Tòa án; Biên bản xác minh; Biên bản lấy lời khai con chưa thành niên; Bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị H yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với ông Phạm Duy T. Đơn khởi kiện của bà Lê Thị H phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Duy T hiện cư trú tại làng O, xã T, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Duy T đã được Toà án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ông Phạm Duy T vắng mặt lần hai do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Bà Lê Thị H và ông Phạm Duy T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh Bình Định vào ngày 18/10/2000, ông T và bà H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông T và bà H chung sống hạnh phúc một thời gian thì ông T và bà H phát sinh mâu thuẫn, bà H và ông T đã sống ly thân từ năm 2022. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã nhiều lần tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn để hòa giải cho các đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, ông T đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của ông T và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H.

[3] Về con chung: Ông Phạm Duy T và bà Lê Thị H có có 02 con chung là Phạm Duy M, sinh ngày 29/01/2001 và Phạm Duy V, sinh ngày 06/01/2007. Bà Lê Thị H yêu cầu được nuôi con chung là Phạm Duy V, sinh ngày 06/01/2007. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của bà Lê Thị H, thấy rằng con chung là cháu V hiện đang do bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, việc giao con chung là cháu Vương cho bà Lê Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng. Riêng đối với con chung Phạm Duy M, sinh ngày 29/01/2001, đến thời điểm xét xử đều đã trưởng thành, bà Lê Thị H trình bày con chung là Phạm Duy V đã trưởng thành và tự lập được, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Phạm Duy T.

2. Về con chung:

Giao con chung là Phạm Duy V, sinh ngày 06/01/2007 cho bà Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0006746 ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chi cục T hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Bà Lê Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/8/2024), ông Phạm Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Văn Quảng